TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2019
V/v tranh chấp:
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên

2. Bà Hà Thị Hải

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:228/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2019 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Huyền C - sinh năm 1995

Địa chỉ: đều ở khu M, xã S, huyện C, Phú Thọ. (Có mặt)

-*Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân B - sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu M, xã S, huyện C, Phú Thọ. (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền C trình bày: Chị và anh B kết hôn ngày 23/10/2015, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ chị ở xã S. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, anh B không chỉnh chu làm ăn, lười lao động, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tuy đã được gia đình khuyên giải nhưng hai bên không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 5/2019 do mâu thuẫn trầm trọng nên anh B về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng

sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Tại bản tự khai ngày 08/10/2019, quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh B trình bày: Chị C trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn là đúng. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị C yêu cầu xin ly hôn quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn con yêu chị C

- Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo K - sinh ngày 27/01/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị C. Nếu ly hôn hai bên thỏa thuận chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị C không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm tranh chấp về việc ly hôn, thống nhất việc nuôi con chung nếu ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Huyền C được ly hôn anh Nguyễn Xuân B; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo K - sinh ngày 27/01/2016 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C không yêu cầu; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền C chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của bị đơn anh B tại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chị C yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là "Tranh chấp về hôn nhân " thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật

Tố tụng dân sự.

Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tống đạt hợp lệ cho đương sự, nhưng bị đơn anh B vắng mặt tại phiên tòa, nên phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa, nhưng bên bị đơn anh B lại tiếp tục vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dụng vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huyền C và anh Nguyễn Xuân B bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và hai bên trình bày cho thấy quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, anh B không chỉnh chu làm ăn, lười lao động, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tuy đã được gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải nhưng hai bên không khắc phục được mẫu thuân, anh B không thay đổi. Đến khoảng tháng 5/2019 do mâu thuẫn trầm trọng nên anh B về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị C xin ly hôn anh B, còn anh B thì cho rặng vợ chồng có mẫu thuẫn như chị C trình bày là đúng, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn con yêu chị C, còn thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, nhưng anh B chỉ đến 01 lần, còn các lần còn lại không đến và cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cũng không quan tâm chăm sóc giúp đỡ chị C, bỏ mặc chị C và con chung sống thế nào thì sống, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người phụ nữ; đồng thời tránh sự ràng buộc không có lợi cho cả hai bên. Còn anh B xin đoàn tụ nhưng không có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận nếu ly hôn chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị C không yêu cầu. Nhưng đến khi xét xử anh B vẫn không đồng ý ly hôn và không có mặt tại phiên tòa, nên cần giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền C phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 300.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Huyền C được ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

2. *Về con chung*:

Giao con chung là Nguyễn Bảo K - sinh ngày 27/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Huyền C trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị C không yêu cầu.

Chị C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003346 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã S;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng